

Chương 3: Các khối kinh tế khu vực chủ yếu

1

Liên minh châu Âu (EU)

2

**Hiệp định thương mại tự do Bắc Mỹ
(NAFTA)**

3

Thị trường chung Nam Mỹ (Mercosur)

Chương 3: Các khối kinh tế khu vực chủ yếu

- 4. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương
- 5. Hội nhập kinh tế trong ASEAN

3.1. Liên minh châu Âu (EU)

- 3.1.1. Sự hình thành & phát triển
- EU trước ngày 01/01/1994 có tên gọi là Cộng đồng Kinh tế Châu Âu – European Economic Community viết tắt EEC được hình thành theo hiệp định ký kết tại Roma 25/03/1957. EEC: Lúc đầu chỉ có 6 quốc gia: Đức, Bỉ, Pháp, Ý, Luxemburg & Hà Lan. Sau này kết nạp thêm 6 nước hội viên nữa Đan Mạch (1961), Anh (1971), Ailen (1972), Tây Ban Nha (1977), Bồ Đào Nha (1977) và Hy Lạp (1981). Ngày 01/01/1995 EU kết nạp thêm 3 hội viên nữa: Áo, Phần Lan, Thụy Điển. Với 15 thành viên, EU hiện là một tổ chức chặt chẽ và giàu có nhất toàn cầu hiện nay.

3.1. Liên minh châu Âu (EU)

- 3.1.1. Sự hình thành & phát triển
- Vào tháng 5/ 2004 kết nạp thêm 10 nước bao gồm: Síp, Manta, Cộng hòa Séc, Ba Lan, Hungari, Xlovakia, Xlovenia, Extônia, Latvia, Litva. Đây là cuộc mở rộng lớn nhất của EU từ khi thành lập đến nay. Từ năm 2004 với 25 quốc gia thành viên, EU với dân số 475 triệu người có tổng GDP khoảng 8,4 nghìn tỷ USD, đứng thứ 2 trên thế giới sau khối NAFTA.
- Ngày 1/1/2007: Kết nạp thêm Bulgaria, Romania.
- Ngày 1/7/2013: Croatia.Nâng tổng số quốc gia thành viên là 28.
- Hiện nay, Liên minh châu Âu với dân số là 492,9 triệu người. Hầu hết các quốc gia châu Âu đều là thành viên của EU.

3.1. Liên minh châu Âu (EU)

- Ngày 07 tháng 2 năm 1992, Hiệp ước về Liên minh Châu Âu (Maastricht Treaty on European Union) được ký tại Maastricht (Hà Lan). Hiệp ước có hiệu lực vào ngày 1/11/1993.
- Đây là hiệp ước mở đầu cho sự thống nhất về chính trị, kinh tế và tiền tệ của Cộng đồng Châu Âu. Đáng chú ý là Hiệp ước đã quy định vào năm 1999 phát hành đồng tiền thống nhất Châu Âu (EURO) để đến năm 2000 chính thức thay thế đồng tiền của các quốc gia. Ngày 01/01/1994, Cộng đồng Châu Âu (EC) chính thức đổi tên thành Liên minh Châu Âu (EU) sau khi Hiệp ước Maastricht có hiệu lực.

3.1. Liên minh châu Âu (EU)

- 3.1.2. Mục tiêu hoạt động
- Mục tiêu cơ bản của EU là xây dựng giữa các nước “thị trường chung” và sau khi hoàn thành thì biến EU thành liên minh kinh tế và tiền tệ (EMU).
- 3.1.3. Cơ cấu tổ chức và nguyên tắc hoạt động
- EU có 4 cơ quan chính là: Hội đồng Châu Âu, Ủy ban Châu Âu, Nghị viện Châu Âu và Tòa án Châu Âu
- 1. Hội đồng Châu Âu: Đây là cơ quan quyền lực chung của EU; là cơ quan thường xuyên của Liên minh, hoạt động định kỳ và không định kỳ

3.1. Liên minh châu Âu (EU)

- 3.1.3. Cơ cấu tổ chức và nguyên tắc hoạt động
- 2. Ủy ban Châu Âu: Đặt trụ sở tại Brusseles, là cơ quan điều hành gồm 20 ủy viên, nhiệm kỳ 5 năm, do các chính phủ nhất trí cử và chỉ thị bãi miễn với sự nhất trí của Nghị viện Châu Âu.
- 3. Nghị viện Châu Âu: gồm 626 Nghị sĩ, nhiệm kỳ 5 năm, được bầu theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu. Chức năng Nghị viện Châu Âu là thông qua Ngân sách, cùng Hội đồng Châu Âu ra quyết định trong một số lĩnh vực: kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách của EU. Có quyền bãi miễn ủy viên Ủy ban Châu Âu.

3.1. Liên minh châu Âu (EU)

- 3.1.3. Cơ cấu tổ chức và nguyên tắc hoạt
- 4. Tòa án Châu Âu: Đặt trụ sở tại Luxembourg, gồm 15 thẩm phán và 9 trợ lý giúp việc do các chính phủ thỏa thuận bổ nhiệm, nhiệm kỳ 6 năm. Tòa án có vai trò độc lập, có quyền bác bỏ những quyết định của các tổ chức của Ủy ban Châu Âu và chính phủ các nước nếu bị coi là không phù hợp với luật pháp của EU.
- 3.1.4. Hoạt động: Những thành tựu trên những nét lớn như sau:
- Thứ nhất, năm 1968 đã xây dựng xong đồng minh thuế quan giữa các nước hội viên: (....)
- Thứ hai, thành lập thị trường nông nghiệp chung dựa trên các nguyên tắc:

3.1. Liên minh châu Âu (EU)

- **3.1.4. Hoạt động**

- - Thực hiện sự tự do lưu thông sản phẩm.
- - Thực hiện chính sách ưu đãi cho phát triển nông nghiệp.
- - Xây dựng một quỹ định hướng và bảo hiểm nông nghiệp Châu Âu.
- Thứ ba, cho phép tự do hóa di chuyển cá nhân giữa các nước trong EU.
- Thứ tư, đưa ra một chính sách chống độc quyền trong kinh doanh chung cho nội bộ khối.

- **3.1.5. Triển vọng**

3.2. Hiệp định thương mại tự do Bắc Mỹ (NAFTA)

- 3.2.1. Sự hình thành và phát triển
- NAFTA được viết tắt từ các chữ tiếng Anh: North American Free Trade Agreement – hiệp định TMTD Bắc Mỹ được ký kết giữa 3 nước: Canada, Hoa Kỳ và Mexico vào ngày 12/8/1992, có hiệu lực từ ngày 1/1/1994.
- 3.2.2. Mục tiêu hoạt động
- Thành lập khu vực tự do mậu dịch. Phần lớn thuế quan sẽ được loại bỏ trong vòng 10 năm; gạt bỏ mọi trở ngại trong buôn bán, dịch vụ & đầu tư, cho phép công dân 3 nước thành viên được tự do đi lại, mở ngân hàng, thị trường chứng khoán, công ty bảo hiểm
- 3.2.3. Cơ cấu tổ chức
- 3.2.4. Hoạt động
- 3.2.5. Triển vọng

3.3. Thị trường chung Nam Mỹ (Mercosur)

- Là một liên minh hải quan trong phạm vi thương mại hàng hóa. Được thành lập năm 1994, bao gồm Argentina, Brazil, Paraguay và Uruguay. Chile ký hiệp định gia nhập ngày 1/10/1996. Bolivia gia nhập ngày 1/3/1997.
- Các nước này cũng có kế hoạch hài hòa quy chế về quyền sở hữu trí tuệ trong khu vực và công nhận bằng đại học của nhau. Tháng 12/1995, các nước Mercosur đã thông qua Mercosur năm 2000 – một chương trình hành động nhằm thống nhất thuế quan và chính sách thương mại vào năm 2000.
- Ban thư ký Mercosur đặt tại Montevideo. Mercosul là tên của Hiệp định bằng tiếng Bồ - đào –nha.

3.4. Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương (APEC)

- 3.4.1. Quá trình hình thành & phát triển
- Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương ra đời năm 1989 trong điều kiện tình hình thế giới xảy ra nhiều sự kiện lớn.
- Trong bối cảnh của thế giới lúc đó, theo sáng kiến của thủ tướng Australia lúc đó là Bobhawke, 12 quốc gia khu vực Châu Á – TBD là Hoa Kỳ, Canada, Nhật Bản, Ôxtrâylia, Hàn Quốc, Thái Lan, Brunây, Indônêxia, Malaixia, Xingapo, Philippin, Niu Di Lân đã nhóm họp tại Canberra (Ôxtrâylia) thành lập Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương (APEC). Đến nay sau ba lần “mở cửa”, APEC bao gồm 21 hội viên

3.4. Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương (APEC)

- 3.4.1. Quá trình hình thành & phát triển
- Chính thức (năm 1991, APEC kết nạp thêm Đài Loan, Hồng Kông, Trung Quốc, năm 1994 kết nạp thêm Mêhico, Papua New Guinea và Chi Lê. Năm 1998, APEC kết nạp thêm Liên Bang Nga, Peru và Việt Nam).
- Kể từ khi ra đời APEC đã nhanh chóng trở thành liên kết kinh tế - thương mại khu vực lớn nhất thế giới.
- APEC chiếm khoảng 59% dân số thế giới, 70% nguồn tài nguyên thiên nhiên, và chiếm 57% GDP thế giới, 46% thương mại toàn cầu.

3.4. Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương (APEC)

- **3.4.2. Mục tiêu hoạt động**
- Mục tiêu cơ bản của APEC gồm: Giữ vững sự tăng trưởng và phát triển trong khu vực; tăng cường hệ thống đa phương mở chứ không phải việc hình thành khối thương mại khu vực; tập trung vào các vấn đề kinh tế và khuyến khích sự phụ thuộc lẫn nhau mang tính xây dựng bằng việc khuyến khích luồng hàng hóa, dịch vụ, vốn và công nghệ.
- Chương trình nghị sự của APEC là phá bỏ hàng rào thương mại và đầu tư giữa các thành viên vào năm 2020.

3.4. Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương (APEC)

- 3.4.3. Cơ cấu tổ chức và nguyên tắc hoạt động
- **Cơ cấu tổ chức:**
 - + Hội nghị thượng đỉnh
 - + Hội nghị Bộ trưởng ngoại giao
 - + Hội đồng thương mại và đầu tư
 - + Hội đồng phát triển kinh tế
 - + Ủy ban hỗ trợ thương mại
- **Nguyên tắc hoạt động của tổ chức APEC :** Hợp tác giữa các thành viên APEC được tiến hành theo 9 nguyên tắc sau đây:

3.4. Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương (APEC)

- 3.4.3. Cơ cấu tổ chức và nguyên tắc hoạt động
- **1. Toàn diện:** Tiến trình tự do hóa & thuận lợi hóa trong APEC sẽ được triển khai ở tất cả các lĩnh vực kinh tế để giải quyết tất cả các hình thức cản trở mục tiêu lâu dài của TM & ĐT tự do.
- **2. Phối hợp với WTO:** Các biện pháp áp dụng trong APEC phải phù hợp những cam kết đã đạt được ở WTO.
- **3. Đảm bảo môi trường tương xứng:** Giữa các thành viên trong việc thực hiện tự do hóa, thuận lợi hóa TM & ĐT xem xét thích đáng tới mức tự do hóa & thuận lợi hóa đã đạt được ở mỗi nước.

3.4. Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương (APEC)

- **4. Thực hiện chủ nghĩa khu vực mở, không phân biệt đối xử:** Tự do hóa, thương mại hóa & đầu tư trong APEC sẽ được thực hiện trên cơ sở không phân biệt đối xử. Các kết quả tự do hóa sẽ được áp dụng không phải chỉ trong nội bộ giữa các thành viên mà cả ngoài thành viên. Hoạt động của APEC còn nhằm mục tiêu hỗ trợ cho hoạt động TM đa biên của các tổ chức quốc tế và khu vực khác.
- **5. Đảm bảo sự rõ ràng công khai:** Mọi luật lệ chính sách hiện hành tại các thành viên APEC.
- **6. Lấy mức bảo hộ hiện tại làm mốc:** Chỉ có giảm không có tăng thêm các biện pháp bảo hộ.

3.4. Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương (APEC)

- **7. Tiến trình tự do hóa, thuận lợi hóa TM & ĐT:** của APEC được tất cả các thành viên đồng loạt triển khai, thực hiện liên tục, với những thời gian biểu khác nhau. Mọi thành viên APEC đều bình đẳng, mọi quyết định đều đạt tới bằng sự nhất trí chung tôn trọng quan điểm của các thành viên tham gia.
- **8. Có sự linh hoạt:** trong việc thực hiện các vấn đề tự do hóa TM & ĐT, vì trình độ phát triển kinh tế của các nước APEC khác nhau.
- **9. Hợp tác:** APEC chủ trương hợp tác kinh tế, kỹ thuật để thúc đẩy kinh tế tăng trưởng và phát triển một cách bền vững.

3.4. Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương (APEC)

- **3.4.4. Hoạt động:**

- **- Về chương trình tự do hóa TM của APEC**

1. Tuyên bố Bogor (Indonesia) diễn ra tháng 11/1994:

Tuyên bố Bogor là văn kiện cơ bản đầu tiên của APEC đề ra mục tiêu cụ thể & phương hướng cơ bản thực hiện tiến trình tự do hóa & thuận lợi hóa TM, ĐT của APEC, nội dung tuyên bố gồm 11 điểm, nhấn mạnh ý chí chung của các Nguyên thủ quốc gia APEC về việc xây dựng một khu vực mậu dịch tự do APEC vào năm 2010 với các nước APEC phát triển và 2020 với các nước đang phát triển.

3.4. Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương (APEC)

- 2. Chương trình hành động OSAKA;
- Tại hội nghị thượng đỉnh APEC lần thứ 3 ở OSAKA-Nhật Bản tháng 11/1995, các ủy ban chuyên môn đã soạn thảo trình các Bộ trưởng APEC kế hoạch 25 năm lấy tên: “Chương trình hành động OSAKA”. Đây là chương trình cụ thể hóa các điểm của tuyên bố Bogor.
- Chương trình hành động OSAKA bao gồm 2 phần:
- Phần 1: Tự do hóa & thuận lợi hóa TM.
- Phần này chỉ ra 15 lĩnh vực ưu tiên thực hiện tự do hóa và thuận lợi hóa TM, ĐT với nội dung cơ bản như sau:

3.4. Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương (APEC)

- - Thuế quan: thực hiện liên tục giảm thuế: làm rõ, công khai hóa chính sách thuế của nước mình.
- - Phi thuế quan: Thực hiện liên tục giảm hàng rào phi thuế quan, làm rõ, công khai hóa chính sách phi thuế quan của các thành viên.
- - Dịch vụ: thực hiện liên tục giảm những hạn chế để mở cửa cho TM dịch vụ: dành cho nhau đãi ngộ tối huệ quốc (MFN) và đãi ngộ quốc gia ở 4 lĩnh vực cụ thể là: Viễn thông, giao thông vận tải, năng lượng, du lịch.

3.4. Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương (APEC)

- - *Đầu tư*: thực hiện tự do hóa chế độ đầu tư dành cho nhau ưu đãi tối huệ quốc (MFN) và đãi ngộ quốc gia, tạo thuận lợi cho đầu tư.
- - Thực hiện thống nhất tiêu chuẩn hóa và đánh giá sự phù hợp.
- - Tiến tới thống nhất hóa thủ tục hải quan.
- - Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.
- - Thực hiện chính sách cạnh tranh công bằng.
- - Công khai hóa kế hoạch thu chi của ngân sách chính phủ

3.4. Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương (APEC)

- - Nói lỏng cơ chế quản lý thương mại quốc tế.
- - Xây dựng quy chế xuất xứ hàng hóa xuất nhập khẩu.
- - Ban hành cơ chế giải quyết tranh chấp giữa các nước thành viên APEC.
- Tạo thuận lợi cho sự giao lưu TM giữa các nhà DNTM, ĐT của các thành viên thuộc APEC.
- - Thực thi các kết quả của Hiệp định Uruguay (vòng đàm phán WTO).
- - Thu thập và xử lý thông tin kinh tế kỹ thuật của các thành viên.
- **Phần 2: Hợp tác kinh tế và kỹ thuật**

3.4. Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương (APEC)

- **Phần 2: Hợp tác kinh tế và kỹ thuật**
- Chương trình hành động Osaka định ra 13 lĩnh vực hợp tác gồm: phát triển nguồn nhân lực, khoa học kỹ thuật công nghiệp, các xí nghiệp vừa và nhỏ, xây dựng hạ tầng cơ sở về kinh tế, năng lượng, vận tải, viễn thông và thông tin, du lịch, cơ sở dữ liệu thương mại & đầu tư, xúc tiến thương mại, bảo tồn nguồn tài nguyên biển, nghề cá và kỹ thuật nông nghiệp.
- Chương trình hành động Osaka là kim chỉ nam và hướng dẫn mang tính chất toàn diện cho tiến trình tự do hóa TM, đầu tư & hợp tác kinh tế APEC.

3.4. Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương (APEC)

- **3. Chương trình hành động Manila:**
- Hội nghị thượng đỉnh APEC lần thứ 4 đã nhóm họp tại Manila – Philippines tháng 11/1996. Hội nghị này đã đánh dấu một bước tiến mới trong hợp tác giữa các nền kinh tế khu vực Thái Bình Dương. Với phương thức “Từ tầm nhìn tới hành động”, hội nghị APEC lần này đã thông qua một loạt văn kiện quan trọng như tuyên bố Manila khẳng định lại cam kết biến vùng lòng chảo Thái Bình Dương thành một khu vực mậu dịch tự do lớn nhất thế giới: chương trình hợp tác kinh tế và kỹ thuật và kế hoạch hành động Manila (tự nghiên cứu)

3.4. Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương (APEC)

- 3.4.5. Triển vọng
- Tóm lại, sự ra đời của tổ chức APEC góp phần thúc đẩy tiến trình toàn cầu hóa. Nghiên cứu về APEC cần có những chú ý sau:
- APEC đã hình thành một bộ máy tổ chức để thực hiện cơ chế phối hợp hoạt động giữa các thành viên. Tuy nhiên APEC đến nay chỉ mới dừng lại ở mức độ là diễn đàn đối thoại, không mang tính chất đàm phán, thương lượng. Mỗi thành viên tùy vào điều kiện kinh tế riêng mà tự đề ra chương trình hành động riêng cho từng năm và cho cả giai đoạn để thực hiện mục tiêu tự do hóa TM & ĐT mà APEC đề ra.

3.4. Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương (APEC)

- Những nội dung của APEC về thuận lợi hóa thương mại và đầu tư chưa được chi tiết và chưa xây dựng chế độ lịch trình cụ thể.
- Về nội dung hợp tác giữa các thành viên của APEC mới dừng lại sự hợp tác về kinh tế, mà không đề cập đến hợp tác về an ninh, chính trị.

3.5. Hội nhập kinh tế trong ASEAN

- 3.5.1. Sự hình thành và phát triển
- Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (Association of Southeast Asian Nations – ASEAN) được thành lập ngày 08/08/1967 sau khi Bộ trưởng Ngoại giao các nước Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore và Thái Lan ký bản tuyên bố ASEAN (Hay được gọi là tuyên bố Băng Cốc). Mười bảy năm sau, ngày 08/01/1984 Brunei Daruxalam được kết nạp vào ASEAN, Việt Nam gia nhập ngày 28/7/1995 và tháng 7/1997 Lào & Mianma đã trở thành hội viên chính thức của ASEAN. 30/4/1999 Campuchia là hội viên cuối cùng gia nhập tổ chức này.
- Như vậy đến nay ASEAN gồm 10 quốc gia, GDP năm 2000: 580 tỷ USD, Tổng kim ngạch XNK 780 tỷ USD.

3.5. Hội nhập kinh tế trong ASEAN

- 3.5.2. Mục tiêu hoạt động
- **Mục tiêu hoạt động ban đầu của ASEAN** nhằm giữ gìn sự ổn định và an ninh trong khu vực, tức tổ chức ASEAN lúc đầu được xem là khối mang màu sắc chính trị là chủ yếu; mặc dù tuyên bố Băng Cốc 08/08/1967 nêu rõ mục tiêu hoạt động của ASEAN bao gồm 7 điểm:
 1. Thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và phát triển văn hóa trong khu vực thông qua các nỗ lực chung trên tinh thần bình đẳng và hợp tác nhằm tăng cường cơ sở cho một cộng đồng các nước Đông Nam Á hòa bình & thịnh vượng.
 2. Thúc đẩy hòa bình và ổn định khu vực bằng việc tôn trọng

3.5. Hội nhập kinh tế trong ASEAN

- Công lý và nguyên tắc luật pháp trong quan hệ giữa các nước trong vùng và tuân thủ các nguyên tắc của Hiến chương Liên Hợp Quốc.
- 3. Thúc đẩy sự cộng tác tích cực và giúp đỡ lẫn nhau trong các vấn đề cùng quan tâm trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, khoa học – kỹ thuật và hành chính.
- 4. Giúp đỡ lẫn nhau dưới các hình thức đào tạo và cung cấp các phương tiện nghiên cứu trong các lĩnh vực giáo dục, chuyên môn, kỹ thuật và hành chính.
- 5. Cộng tác có hiệu quả hơn, để sử dụng tốt hơn nền nông

3.5. Hội nhập kinh tế trong ASEAN

- Nông Nghiệp & các ngành công nghiệp của nhau, mở rộng mạng dịch kể cả việc nghiên cứu các vấn đề buôn bán hàng hóa giữa các nước, cải thiện các phương tiện giao thông liên lạc và nâng cao mức sống nhân dân.
- 6. Thúc đẩy việc nghiên cứu về Đông Nam Á
- 7. Duy trì sự hợp tác chặt chẽ cùng có lợi với các tổ chức quốc tế và khu vực có tôn chỉ và mục đích tương tự và tìm kiếm cách thức nhằm đạt được sự hợp tác chặt chẽ hơn giữa các tổ chức này.

3.5. Hội nhập kinh tế trong ASEAN

- Trong ¼ thế kỷ: sự hợp tác về kinh tế giữa các nước ASEAN còn đạt ở mức độ thấp, hiệu quả mang lại chưa cao là do các nguyên nhân:
 - - Sự hoạt động của ASEAN trong quá khứ được thực hiện như là một tổ chức chính trị.
 - - Liên kết ASEAN không phải là liên kết giữa các quốc gia thuần nhất về chính trị và kinh tế.
 - - Hầu hết các nước trong ASEAN đều rất coi trọng thị trường bên ngoài như Mỹ, EU, Nhật, Canada, Hàn Quốc... coi đây là thị trường chủ lực, giúp họ thực hiện chính sách “hướng ngoại” nên kim ngạch buôn

3.5. Hội nhập kinh tế trong ASEAN

- Bán giữa các nước ASEAN với nhau chỉ đạt khoảng 25% tổng KN của khối này buôn bán với bên ngoài.
- Nhưng một số năm gần đây, tình hình thế giới có nhiều thay đổi: (...) thì tổ chức ASEAN quyết tâm đẩy mạnh và tăng cường hợp tác kinh tế khu vực, mà sự thể hiện quyết tâm này ở **Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ tư năm 1992 tại Singapore từ 27-28/01/1992.**
- Tại hội nghị này, ASEAN đã thông qua một số quyết định và văn kiện quan trọng như sau:

3.5. Hội nhập kinh tế trong ASEAN

- - Tuyên bố Singapore năm 1992 khẳng định quyết tâm của ASEAN đưa sự hợp tác chính trị & kinh tế lên tầm cao & mở rộng hợp tác sang lĩnh vực an ninh.
- - Hiệp định khung về tăng cường hợp tác kinh tế ASEAN trong đó nêu lên **ba nguyên tắc của sự hợp tác**: hướng ra bên ngoài, cùng có lợi và linh hoạt đối với sự tham gia của các nước thành viên trong các chương trình, dự án hợp tác, xác định rõ **5 lĩnh vực hợp tác kinh tế** cụ thể là: thương mại; công nghiệp: năng lượng, khoáng sản; nông-lâm-ngư nghiệp; tài chính-NH; vận tải-liên lạc & du lịch; và nhấn mạnh

3.5. Hội nhập kinh tế trong ASEAN

- “hòa giải” là phương châm giải quyết những khác nhau giữa các nước thành viên trong việc giải thích & thực hiện Hiệp định khung này, quyết định sẽ thành lập khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) trong vòng 15 năm.
- Để thực hiện AFTA các bên tham gia ký kết hiệp định về chương trình thuế quan ưu đãi có hiệu lực chung (common Effective Preferential Tariffs – CEPT), chương trình này bắt đầu thực hiện từ 01/01/1993 trong vòng 15 năm. Do tình hình thế giới có nhiều thay đổi, sau rút ngắn thời hạn hiệu lực xuống còn 10 năm

3.5. Hội nhập kinh tế trong ASEAN

- Để AFTA được hình thành vào năm 2003. Việt Nam gia nhập ASEAN muộn hơn, cho nên sẽ thực hiện xong chương trình CEPT và AFTA vào năm 2006; Lào và Mianma vào năm 2008 và Campuchia vào năm 2010.
- 2.5.3. Cơ cấu tổ chức & nguyên tắc hoạt động
- 2.5.3.1. Cơ cấu tổ chức của ASEAN
- ASEAN là một tổ chức liên chính phủ.
- Các cơ quan hoạch định chính sách:
- + Hội nghị thượng đỉnh ASEAN: Đây là diễn đàn quan trọng nhất của những người đứng đầu các quốc gia thành viên ASEAN họp ba năm 1 lần.

3.5. Hội nhập kinh tế trong ASEAN

- + Hội nghị Bộ trưởng: Đây là Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao của các quốc gia thành viên, được tổ chức hàng năm, có nhiệm vụ hoạch định và quyết định các chính sách của ASEAN.
- + Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế ASEAN: hội nghị này cũng được tổ chức hàng năm.
- + Hội nghị Liên bộ trưởng: Đây là Hội nghị của Bộ trưởng ngoại giao và Bộ trưởng Kinh tế.
- + Tổng thư ký ASEAN: Tổng thư ký được những người đứng đầu chính phủ các nước thành viên bầu chọn với nhiệm kỳ 5 năm.

3.5. Hội nhập kinh tế trong ASEAN

- Cuộc họp các quan chức cao cấp: cuộc họp này được tổ chức 3-4 lần trong năm và có nhiệm vụ chuẩn bị cho Hội nghị Bộ trưởng.
- Cuộc họp các quan chức kinh tế cao cấp: Cuộc họp này được tổ chức thường kỳ hai tháng 01 lần trong năm và có nhiệm vụ chuẩn bị cho Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế và điều hành công việc của Hội nghị giữa các kỳ Hội nghị.
- Cuộc họp tư vấn chung: Cuộc họp được triệu tập trong các trường hợp cần thiết dưới sự chủ trì của Tổng thư ký nhằm thúc đẩy công việc giữa các quan chức liên ngành.

3.5. Hội nhập kinh tế trong ASEAN

- **Các ủy ban của ASEAN**

- + Ủy ban Thường trực ASEAN
- + Các ủy ban hợp tác chuyên ngành: ASEAN có 6 Ủy ban hợp tác chuyên ngành bao gồm các lĩnh vực: (1). Môi trường; 2). Khoa học – Công nghệ; 3). Văn hóa & thông tin; 4). Phát triển xã hội; 5). Kiểm soát ma túy; và 6). Các vấn đề về công chức. Chủ tịch Ủy ban được thay đổi giữa các quốc gia thành viên.

- **Các Ban Thư ký ASEAN**

- + Ban Thư ký ASEAN
- + Ban Thư ký ASEAN quốc gia

3.5. Hội nhập kinh tế trong ASEAN

- Các cơ chế hợp tác với các nước thứ ba:
- Hội nghị sau Hội nghị Bộ trưởng
- Các cuộc họp của ASEAN với các bên đối thoại
- Ủy ban ASEAN ở các quốc gia thứ ba.
- 3.5.3.2. Các nguyên tắc hoạt động
- **A. Các nguyên tắc thiết lập quan hệ song phương & đa phương:**
- Trong Hiệp ước thân thiện & hợp tác ở Đông Nam Á (Hiệp ước Bali), ký tại Bali 1976, các nguyên tắc này bao gồm 6 nguyên tắc như sau:

3.5. Hội nhập kinh tế trong ASEAN

- 1. Cùng tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, toàn vẹn lãnh thổ và bản sắc dân tộc của tất cả các dân tộc.
- 2. Quyền của mọi quốc gia được lãnh đạo hoạt động của dân tộc mình mà không có sự can thiệp, lật đổ cưỡng ép của bên ngoài.
- 3. Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.
- 4. giải quyết bất đồng hoặc tranh chấp bằng các biện pháp hòa bình.
- 5. Không đe dọa hoặc sử dụng vũ lực.
- 6. Hợp tác với nhau một cách có hiệu quả

3.5. Hội nhập kinh tế trong ASEAN

- **B. Các nguyên tắc điều phối của ASEAN**
- + Nguyên tắc nhất trí
- + Nguyên tắc bình đẳng
- + Nguyên tắc 6-X: theo đó hai hay một số quốc gia thành viên ASEAN có thể xúc tiến thực hiện các dự án được thực hiện trong khuôn khổ hiệp hội nếu các quốc gia còn lại chưa sẵn sàng tham gia, không cần phải đợi tất cả mới cùng thực hiện.
- **C. Các nguyên tắc khác:**
- Bên cạnh các nguyên tắc làm nền tảng và nguyên tắc điều phối nói trên, ASEAN còn được tổ chức hoạt động trên cơ

3.5. Hội nhập kinh tế trong ASEAN

- Sở nhiều nguyên tắc khác: nguyên tắc có đi có lại, nguyên tắc không đổi đầu, nguyên tắc thân thiện, nguyên tắc không tuyên truyền tổ cáo lẫn nhau qua báo chí, nguyên tắc giữ gìn đoàn kết trong hiệp hội & giữ gìn bản sắc chung của hiệp hội.
- **3.5.4. Hoạt động**
- Để xây dựng ASEAN thành khu vực mậu dịch tự do (AFTA), các nước thuộc khu vực đã thông qua 9 chương trình hợp tác kinh tế.

3.5. Hội nhập kinh tế trong ASEAN

- 3.5.4.1. Chương trình hợp tác thương mại
- Sự hợp tác thương mại của ASEAN được thực hiện trong 5 chương trình:
 - 1. Chương trình xây dựng ASEAN trở thành khu mậu dịch tự do – AFTA bằng việc thực hiện kế hoạch thu thuế quan ưu đãi có hiệu lực chung (CEPT).
 - 2. Chương trình hợp tác hàng hóa:
 - - Thành lập NH dữ liệu ASEAN Data Bank on Commodities
 - - Dự án nghiên cứu thị trường hàng hóa

3.5. Hội nhập kinh tế trong ASEAN

- 3. Hội chợ thương mại ASEAN
- 4. Chương trình tham khảo ý kiến tư nhân: Do phòng TM & CN ASEAN thực hiện
- 5. Chương trình phối hợp lập trường trong các vấn đề TMQT có tác động đến ASEAN nhằm bảo vệ quyền lợi của các nước ASEAN trên trường quốc tế.
- 3.5.4.2. Chương trình hợp tác trong lĩnh vực hải quan
 - 1. Thực hiện thống nhất phương pháp định giá tính thuế hải quan giữa các nước ASEAN
 - 2. Thực hiện hài hòa các thủ tục hải quan trong 2 lĩnh vực

3.5. Hội nhập kinh tế trong ASEAN

- + Mẫu khai báo CEPT chung
- + Đơn giản hóa thủ tục XK, NK ở các khâu
- 3.5.4.3. Chương trình hợp tác trong lĩnh vực công nghiệp
- Từ khi thành lập ASEAN đến nay đã có 5 chương trình hợp tác giữa các nước thành viên trong lĩnh vực CN
- 1. Các dự án công nghiệp (CN) ASEAN. HN thượng đỉnh lần thứ nhất – 1976.
- 2. Bổ sung CN ASEAN: Đưa ra 6/1991
- 3. Các liên doanh công nghiệp ASEAN: Bắt đầu từ 1983
- 4. Liên kết sản xuất chung nhãn mác: tháng 10/1988

3.5. Hội nhập kinh tế trong ASEAN

- 5.Chương trình hợp tác công nghiệp (Asean Industrial Cooperation) được ký tại Singapore, có hiệu lực 1/11/1996.
- 3.5.4.4. Chương trình hợp tác trong các lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp & lương thực, bao gồm
 - - Hợp tác về cây trồng
 - - Hợp tác về chăn nuôi
 - - Hợp tác về đào tạo khuyến nông
 - - Hợp tác khuyến khích thương mại nông lâm sản
 - - Hợp tác về thủy sản
 - - Hợp tác về lương thực

3.5. Hội nhập kinh tế trong ASEAN

- 3.5.4.5. Chương trình hợp tác về đầu tư
- Để các nước ASEAN tăng cường đầu tư vào nhau & thu hút vốn từ các khu vực khác họ đã tăng cường ký kết Hiệp định về khuyến khích & bảo hộ đầu tư Asean tại Băng Cốc 12/1995. Và ký hiệp định về thành lập khu đầu tư Asean (AIA- Asean Investment Area).
- 3.5.4.6. Chương trình hợp tác trong lĩnh vực dịch vụ
- Tại hội nghị thượng đỉnh lần thứ 5 tại Thái Lan năm 1995, các nước Asean đã cùng ký kết Hiệp định khung về hợp tác trong lĩnh vực dịch vụ.
- Hội nghị thượng đỉnh Asean lần thứ 5 tháng 12/1995 tại Băng

3.5. Hội nhập kinh tế trong ASEAN

- Cốc, Thái Lan đã quyết định chọn 7 lĩnh vực dịch vụ quan trọng là tài chính, vô tuyến viễn thông, vận tải hàng hải, vận tải hàng không, du lịch, dịch vụ kinh doanh và dịch vụ xây dựng để thực hiện bước đầu tự do hóa TM dịch vụ.
- **3.5.4.7. Chương trình hợp tác trong lĩnh vực khoáng sản và năng lượng**
- **3.5.4.8. Chương trình hợp tác trong lĩnh vực tài chính & NH.**
- Sau cuộc khủng hoảng tiền tệ của các nước trong khu vực 1997 -1999, ASEAN có dự kiến xây dựng đồng tiền chung để giảm bớt sự lệ thuộc vào đồng USD đang chi phối hoạt động TMQT.
- **3.5.4.9. Các chương trình hợp tác kinh tế khác**
- Trong các lĩnh vực: Giao thông vận tải và Thông tin liên lạc; sở hữu trí tuệ; hợp tác trong lĩnh vực PT. CS Hạ tầng.

3.5. Hội nhập kinh tế trong ASEAN

- 3.5.4.5. Triển vọng
- Sự hợp tác giữa các nước ASEAN mang tính toàn diện, nhiều mặt và các nước đã có bước tiến rất xa trong việc xây dựng khu vực mậu dịch tự do.
- Việc thành lập Cộng đồng Kinh tế ASEAN vào tháng 12/2015: đánh dấu một bước ngoặt mới trong liên kết kinh tế ASEAN.



Thank You !